

GIẢI PHÁP TÍN DỤNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC NGHI* & TRẦN HỒNG MINH NGỌC**

Nông nghiệp, nông thôn luôn chiếm vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế VN. Đảng và Nhà nước đã xác định phát triển nông nghiệp và không ngừng nâng cao đời sống nông dân là nhiệm vụ có tính chiến lược hàng đầu. Tuy nhiên, nhìn vào thực tiễn, để tạo động lực phát triển toàn diện nông nghiệp, nông thôn, chúng ta còn rất nhiều việc phải làm. Trong đó, vấn đề đáp ứng tín dụng là mấu chốt quan trọng, là nền tảng cho các động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn VN. Vì thế, bài viết này phản ánh thực trạng hoạt động cung cấp tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn đồng thời nhận định những tồn tại, hạn chế từ thực tiễn để làm cơ sở đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường các hoạt động tín dụng đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn VN.

Từ khóa: tín dụng, nông nghiệp, nông thôn

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp, nông thôn đã, đang và sẽ là lĩnh vực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội VN. Cùng với tiến trình đổi mới, nông nghiệp, nông thôn nước ta đã có những tiến bộ vượt bậc, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước. Khu vực nông nghiệp, nông thôn không chỉ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, cung cấp khối lượng lớn nông sản đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân mà còn đưa VN trở thành quốc gia hàng đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông thủy sản, thông qua đó cải thiện đời sống nông dân và thay đổi bộ mặt nông thôn. Quán triệt tầm quan trọng của nông nghiệp, nông thôn ngay từ những ngày đầu xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước đã chú trọng và không ngừng đổi mới các chính sách trên tất cả các mặt từ khâu sản xuất, tiêu thụ, quy hoạch, tạo vốn... để tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nông

nghiệp, nông thôn. Trong đó, Đảng đã khẳng định: “Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi và khuyến khích các ngân hàng, định chế tài chính cho vay đối với nông nghiệp” là một trong những giải pháp rất quan trọng. Hoạt động tín dụng ở nông thôn tuy đã được quan tâm chú ý và đầu tư nhưng vẫn còn nhiều điểm hạn chế, yếu kém khiến hoạt động tín dụng trong những năm qua chưa thực sự trở thành “đòn bẩy” cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển điển hình như các loại hình tài chính tín dụng hoạt động ở khu vực nông thôn còn đơn điệu, các chủ thể tham gia vào thị trường nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, khả năng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng của hộ nông dân và các doanh nghiệp ở khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, vấn đề tín dụng đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn là rất quan trọng và cần phải xem là mục tiêu giải quyết hàng đầu trong bối cảnh hiện tại.

*ThS., Trường Đại học Cần Thơ

Email: quocnghi@ctu.edu.vn

** Trường Đại học Cần Thơ

Email: thmngoc@student.ctu.edu.vn

2. Vai trò của tín dụng đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn

Thị trường tài chính nông thôn đảm nhận những vai trò cơ bản của thị trường tài chính đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung, và giữ vai trò huyết mạch quan trọng trong việc huy động và chu chuyển vốn từ nơi thừa đến nơi thiếu phục vụ cho hoạt động đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thị trường tài chính nông thôn ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, người dân ở khu vực nông thôn tiếp cận ngày càng nhiều hơn đối với các dòng vốn. Nguồn vốn cho vay nông nghiệp, nông thôn ngày càng tăng, thị trường tín dụng nông thôn ngày càng mở rộng qua từng năm. Vốn cho vay đã tạo thêm được nhiều nghề mới, khôi phục các làng nghề truyền thống, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong khu vực nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, hệ thống ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua.

Hoạt động tín dụng đã góp phần đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung vốn, tư liệu sản xuất, khoa học công nghệ để phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong mọi trường hợp, dòng vốn tín dụng của ngân hàng đã giúp các hộ nông dân giải quyết được phần nào những khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh và góp phần tăng thu nhập cho hộ nông dân. Tín dụng đã góp phần xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho nông dân tiếp thu công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện hiện nay, đời sống nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu. Muốn cải thiện tình hình đó phải tăng cường đầu tư vốn phát triển nông thôn. Chính vì lẽ đó, vốn đầu tư của ngân hàng không những tham gia vào quá trình sản xuất bằng hình thức bổ sung vốn lưu động, mà còn là vốn đầu tư trung và dài hạn nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến

cho quá trình sản xuất. Các công trình đầu tư nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng như là: công nghiệp chế biến nông sản phẩm, ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp, dịch vụ “đầu vào”, “đầu ra”, phát triển các ngành nghề mới, các hệ thống tưới tiêu, công trình thủy lợi, hệ thống đường giao thông, mạng lưới điện... nhằm phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Tín dụng tạo điều kiện phát triển ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn. Tín dụng ngân hàng tham gia vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực nông thôn đã thực sự tác động đến việc hình thành và phát triển của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn. Việc hình thành và phát triển các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản và các làng nghề truyền thống đã thu hút được lao động trong nông nghiệp có việc làm ở các khâu sản xuất nguyên liệu, gia công, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đến nay, cả nước đã có trên 4.000 cơ sở chế biến các mặt hàng nông nghiệp ở nông thôn, trong đó có trên 1.000 nhà máy chế biến với quy mô vừa và lớn. Nhiều nhà máy đã áp dụng công nghệ và dây chuyền chế biến hiện đại. Bên cạnh đó, con số các làng nghề trong cả nước đạt trên 2.500 làng nghề, và trên 1 triệu hộ, thu hút khoảng 11 triệu lao động tham gia. Như vậy, tín dụng ảnh hưởng gián tiếp và trực tiếp đến sự phát triển của những ngành nghề truyền thống và ngành nghề mới.

Hoạt động tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn đã tạo điều kiện cho hàng chục triệu lượt hộ nông dân và các đối tượng khách hàng khác ở nông thôn tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng, đẩy lùi tình trạng cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn. Trước đây chính sách đầu tư tín dụng không được quan tâm thích đáng nên vốn cho nông dân được cung cấp chủ yếu thông qua thị trường tài chính phi chính thức. Trước năm 1990, khi chưa có chính sách cho nông dân vay

vốn, các hộ nông dân phải tự đi vay với lãi suất cao từ 10- 15%/tháng có khi đến 20%/tháng từ những người hoạt động cho vay nặng lãi ở nông thôn. Chính việc mở rộng cho các hộ nông dân vay vốn đã góp phần hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, người dân đỡ bị bóc lột hơn và kết quả là sau quá trình sản xuất người dân thực sự được hưởng thành quả lao động của họ.

Tóm lại, tín dụng có vai trò quan trọng trong mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội nông thôn. Để phát huy vai trò to lớn đó, nên sử dụng tín dụng như một công cụ đặc lực để thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Thực trạng hoạt động cung cấp tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn

3.1 Doanh số cho vay và dư nợ tín dụng

Sau hơn 20 năm đổi mới, chính sách tín dụng

đối với nông nghiệp, nông thôn đã thực sự khơi thông dòng chảy tín dụng về nông thôn. Nếu như cuối năm 1998 dư nợ tín dụng đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn mới chỉ đạt 34.000 tỷ đồng thì đến cuối năm 2009, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn của ngành ngân hàng đã tăng hơn 9 lần và đạt khoảng 292.919 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,55% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế), có thể thấy dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước [1].

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN (Agribank) là ngân hàng đóng vai trò chủ lực trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Agribank được thành lập vào năm 1990 và hiện nay là tổ chức có mạng lưới chi nhánh lớn nhất ở nông thôn. Đến cuối năm 2010, Agribank đã có 3 văn phòng đại diện, 8 công ty trực thuộc, 1 sở giao

Bảng 1. Kết quả cho vay nông nghiệp, nông thôn

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Thời điểm	Dư nợ	Tăng trưởng dư nợ năm sau so với năm trước	Tỷ trọng dư nợ so với dư nợ cho vay nền kinh tế toàn quốc (%)	Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng của nền kinh tế (%)
1	1999	36.103	6,19	25,93	13,21
2	2000	43.752	21,19	24,61	27,69
3	2001	57.892	32,31	26,45	23,11
4	2002	66.067	20,10	23,13	30,51
5	2003	83.742	26,75	22,91	27,96
6	2004	111.683	33,37	24,2	26,24
7	2005	142.610	20,02	24,41	20,54
8	2006	157.991	17,82	22,76	24,76
9	2007	215.023	28,65	20,52	51,00
10	2008	246.593	14,68	18,30	28,62
11	2009	292.919	18,79	15,55	39,76
12	9/2010	350.315	16,54	16,81	20,06

Nguồn: Đào Minh Tú (2010) [1]

dịch, 158 chi nhánh loại 1, loại 2, 2.145 chi nhánh loại 3 và phòng giao dịch và trên 1.700 máy ATM. Tỷ lệ tăng trưởng huy động vốn của Agribank trung bình là 23,5%/ năm. Với vai trò chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, trong năm 2010, Agribank đã bổ sung trên 40.000 tỷ đồng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, tập trung ưu tiên cho thu mua lương thực, mía đường, cá tra, cá ba sa, thu mua cà phê theo chương trình thu mua tạm trữ của Chính phủ. Hiện tại, tổng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn chiếm 70% tổng dư nợ của Agribank. Tuy nhiên, nếu xét riêng phần huy động tiết kiệm từ khu vực nông thôn chỉ đáp ứng được 85% nhu cầu tín dụng của khu vực này. Mặc dù hoạt động trên khắp 64 tỉnh thành trong cả nước nhưng hầu hết các khoản vay của Agribank có giá trị nhỏ và tập trung ở các khu vực nông thôn và dư nợ tín dụng ở khu vực nông thôn của Agribank luôn tăng qua các năm. Có thể thấy tỷ lệ tăng trưởng tín dụng của Agribank trong giai đoạn 2005 - 2009 là khá ấn tượng. Điều này thể hiện nỗ lực của Agribank trong việc mở rộng đối tượng và chính sách cho vay cho khu vực nông thôn. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội VN (VBSP) cũng là một ngân hàng đi tiên phong trong mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo. Được thành lập năm 2003, trên cơ sở hoạt động của ngân hàng phục vụ người nghèo trước đây, nhiệm vụ của VBSP là cung cấp tín dụng cho hộ nghèo, và các đối tượng chính sách khác góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Tính đến cuối năm 2010, VBSP đã có mạng lưới hoạt động gồm 64 chi nhánh cấp tỉnh, gần 600 phòng giao dịch cấp huyện, hơn 8.000 điểm giao dịch lưu động tại cấp xã, quản lý hơn 200.000 tổ tiết kiệm và vay vốn, dư nợ cho vay hộ nghèo lên tới 27.463,25 tỷ đồng. Nguồn vốn của VBSP tăng chủ yếu do các nguồn tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng, tiền gửi và các khoản đi vay các TCTD khác, ngoài ra còn có tiền gửi khách hàng, vốn tài trợ ủy thác đầu tư.

Trong đó, nguồn tiền gửi, tiền vay các TCTD khác có tỷ trọng và tỷ lệ tăng trưởng đạt mức cao nhất.

Bên cạnh Agribank và VBSP, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) cũng là tổ chức tín dụng lớn trên thị trường tài chính nông thôn. Nguồn vốn huy động từ người dân, thủ tục cho vay rất đơn giản và phù hợp với trình độ nông dân, sản phẩm tín dụng khá đa dạng, gần gũi với người dân và có tham gia bảo hiểm tiền gửi nên dễ được cộng đồng hộ nông dân chấp nhận. Bên cạnh việc chú trọng khai thác, phát huy nội lực kể từ khi thành lập đến nay, QTDND cũng đã phát huy tốt vai trò đầu mối liên kết, tiếp nhận và triển khai thành công hơn 20 dự án hỗ trợ kỹ thuật, tài chính quốc tế. Tuy nhiên, cũng tương tự như VBSP, phần huy động tiết kiệm từ khu vực nông thôn chỉ đáp ứng được 81% nhu cầu tín dụng của khu vực này. Điều này là một thách thức rất lớn do các nguồn vốn đi vay bên ngoài của các quỹ này thường khan hiếm, và địa bàn hoạt động bó hẹp tại một phường/xã làm cho vấn đề thanh khoản của các QTDND trở nên trầm trọng hơn.

Ngoài ra, còn một số ngân hàng khác như ngân hàng Đại Tín, Sài Gòn Thương Tín, Kiên Long, Liên Việt... cũng xác định mục tiêu là thị trường nông thôn. Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn trong tổng dư nợ của các ngân hàng này vẫn chưa cao. Điều này là do cho vay nông nghiệp vừa phải chịu chi phí lớn mà rủi ro lại cao hơn những khu vực kinh tế khác.

3.2 Rủi ro trong tín dụng nông thôn

Cho dù đã có bước tiến khá xa trong việc đưa vốn về nông thôn, thế nhưng, so với nhu cầu thực tiễn, nguồn vốn này mới chỉ như “muối bỏ biển”, vì nhu cầu đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn đã và đang rất lớn. Một thực tế chỉ ra là ở nhiều địa phương trong cả nước, trong đó riêng tại Đồng bằng sông Cửu Long, có khoảng 80% nông dân vẫn phải chạy vay vay vốn cho sản xuất từ “tín dụng đen”. Nhiều nghiên cứu của các tác giả

Nguyễn Quốc Nghi (2010, 2011), Lê Khương Ninh (2011) và Trương Đông Lộc (2008) cho thấy khu vực nông thôn vẫn đang trong tình cảnh “khát vốn trầm trọng”. Rõ ràng, thị trường nông nghiệp, nông thôn là một thị trường tiềm năng nhưng các ngân hàng vẫn còn nhiều e dè khi đưa vốn về nông thôn, nguyên nhân chủ yếu là do rủi ro khi đầu tư vốn vào thị trường này là khá cao.

Thực tế cho thấy nông dân thường vay khoản tiền nhỏ làm ngân hàng tăng chi phí kinh doanh. Xét riêng ở Agribank, mặc dù hoạt động trên khắp 64 tỉnh thành, nhưng hầu hết các khoản cho vay của Agribank có khoảng giá trị nhỏ, có đến 40% khách hàng của Agribank vay dưới 5 triệu đồng, 35% khách hàng vay từ 5 -10 triệu. Hơn nữa, sản xuất nông nghiệp lại thường phải đối mặt thiên tai, dịch bệnh... nên mức độ rủi ro cao. Nước ta thuộc miền khí hậu nóng ẩm nên thuận lợi cho các côn trùng và dịch bệnh phát triển, là vùng thấp nên hàng năm đều bị ngập lũ khiến cho việc sản xuất

đến sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Do đó, không trả được nợ hoặc kéo dài thời gian trả nợ cho ngân hàng. Nghiêm trọng hơn là trường hợp khách hàng không chịu trả nợ.

Vì thế, nhiều ngân hàng vẫn chưa mặn mà đưa vốn về nông thôn. Điều này được thể hiện khá rõ khi tỉ trọng cho vay nông nghiệp - nông thôn của những ngân hàng có ưu thế ở nông thôn rất khiêm tốn. Cụ thể, dư nợ cho vay nông nghiệp - nông thôn của Ngân hàng Đại Tín chỉ chiếm khoảng 12% tổng dư nợ. Nhiều năm trước, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín mở rộng mạng lưới đến vùng sâu, vùng xa trên cả nước song đến nay, tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn chỉ nằm ở con số 12%... Ngay cả ngân hàng lớn như Ngân hàng Công thương cũng chưa đạt được 40% dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn. Ngân hàng Kiên Long xác định mục tiêu là thị trường nông thôn song tỷ trọng cho vay nông nghiệp - nông thôn cũng chỉ đạt 40% tổng dư nợ.

Bảng 2. Dư nợ tín dụng và tỷ lệ nợ xấu của Agribank giai đoạn 2005 -2010

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng dư nợ (tỷ đồng)	161.106	221.661	246.118	294.697	354.112	414.755
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,3	1,9	2,5	2,7	2,6	3,7

Nguồn: Báo cáo thường niên của Agribank

của người nông dân gặp nhiều khó khăn, đôi khi bao nhiêu vốn bỏ ra đều bị mất trắng. Ngoài ra, do đầu tư chậm phát triển, sản xuất kinh doanh đình đốn, người tiêu dùng hạn chế chi tiêu, giá cả, các chính sách thay đổi liên tục, giá các mặt hàng nông sản chủ lực giảm liên tục. Một số hộ không có vốn tự có phải đi vay của ngân hàng, khi xảy ra rủi ro sẽ không còn khả năng trả nợ cho ngân hàng. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, không thể không kể đến một số nguyên nhân chủ quan từ phía các hộ nông dân như ý thức của hộ nông dân vay vốn chưa tốt, trong quá trình vay và sử dụng vốn vay, sử dụng vốn sai mục đích dẫn

Tỷ lệ nợ xấu ở các ngân hàng tham gia thị trường nông thôn, điển hình là Agribank vẫn còn rất cao. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của các tổ chức tín dụng khi đưa vốn về nông thôn. Vì thế, nhiều ngân hàng không mặn mà đưa vốn về nông thôn. Điều này được thể hiện khá rõ khi tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn của những ngân hàng có ưu thế ở nông thôn rất khiêm tốn.

4. Nhận định những tồn tại, hạn chế trong hoạt động cung cấp tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn

Những năm qua, tín dụng nông nghiệp, nông thôn đã góp phần vào việc tận dụng và khai thác mọi tiềm năng về đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên, đóng vai trò đáng kể cho phát triển nông nghiệp, nông thôn nhưng trên thực tế, tín dụng nông nghiệp, nông thôn vẫn còn một số tồn tại và hạn chế như:

- Mặc dù dư nợ tín dụng, lượng vốn huy động, số lượng điểm giao dịch và số lượng khách hàng được phục vụ ngày càng tăng song các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tại khu vực nông thôn phát triển còn chậm, chủ yếu là tín dụng truyền thống như cho vay và nhận tiền gửi, chuyển tiền, thanh toán, chưa có các sản phẩm thiết kế chuyên biệt cho khu vực nông thôn. Các dịch vụ thanh toán, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng nông nghiệp, kiều hối còn rất hạn chế, các sản phẩm tín dụng của ngân hàng chưa bao gồm các dịch vụ hỗ trợ đi kèm như đào tạo, hướng dẫn, tư vấn... Hiện nay, Agribank là đơn vị có số lượng sản phẩm đa dạng nhất, với 194 sản phẩm các loại nhưng các sản phẩm cung cấp cho khu vực nông thôn vẫn chỉ tập trung vào tiền gửi và tín dụng.

- Nguồn nhân lực thiếu về số lượng và thấp về chất lượng. Nguồn nhân lực của các trung gian tài chính tại khu vực nông thôn, thậm chí cả Agribank vẫn chưa có kỹ năng chuyên môn tốt liên quan đến tài chính nông thôn. Năng lực quản trị rủi ro thấp, thể hiện thông qua nhận thức về rủi ro, quản lý thông tin và mức độ chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ (đặc biệt là tại các tổ chức tài chính vi mô). Một bộ phận cán bộ tín dụng thiếu kiến thức về sản xuất nông nghiệp, không am hiểu đầy đủ các định mức kinh tế kỹ thuật cũng như các cơ chế chính sách liên quan đến khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư dẫn đến các kế hoạch tín dụng không phù hợp, đề xuất phê duyệt khoản vay

(mức tiền, thời hạn...) chưa khách quan, thiếu chính xác [3].

- Việc tiếp cận các dịch vụ ngân hàng của người dân và các doanh nghiệp ở khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế. Một số tổ chức tín dụng chưa bố trí điểm giao dịch ở khu vực nông thôn, đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực nông thôn còn ít, suất đầu tư cho kinh tế trang trại, gia trại còn thấp, cải cách thủ tục hành chính còn chậm, chưa tạo thuận lợi cho khách hàng, hộ nông dân đến vay vốn, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của toàn ngành cũng như việc mở rộng đầu tư đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Khả năng cân đối nguồn vốn tại chỗ của các tổ chức tín dụng ở khu vực nông thôn rất hạn chế. Trung bình nguồn vốn huy động tại chỗ của các tổ chức tín dụng chỉ đáp ứng khoảng 30% đến 40% dư nợ cho vay trên địa bàn, phần còn lại các tổ chức tín dụng phải điều chuyển nguồn vốn từ khu vực thành thị. Thực trạng này dẫn đến xu hướng lãi suất cho vay khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị.

- Năng lực tài chính và mức độ bền vững về hoạt động còn nhiều bất cập. Nhìn chung, ngoại trừ các định chế chính thức lớn như Agribank, VBSP, thì phần lớn các định chế khác hoạt động trên thị trường tài chính nông thôn có tiềm lực tài chính còn nhỏ bé. Mức độ bền vững của các tổ chức tài chính vi mô chưa được đảm bảo, mức độ sinh lời thấp.

- Mặc dù nguồn vốn của trung gian tài chính không ngừng tăng trưởng nhưng mức độ tăng nguồn vốn chưa theo kịp tăng trưởng tín dụng, chưa đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn của kinh tế khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư còn dàn trải, manh mún, thiếu trọng tâm, chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế. Suất đầu tư trên một đơn vị cây trồng vật nuôi hay hộ gia đình còn thấp. Chưa tạo sự liên kết vững chắc giữa sản

xuất - chế biến - tiêu thụ. Dư nợ các hợp tác xã còn ở mức khiêm tốn.

- Quy trình cung cấp tín dụng mặc dù có nhiều cải tiến theo hướng đơn giản, song vẫn còn hạn chế, chưa phù hợp với trình độ của người dân. Đặc biệt là các thủ tục liên quan đến tài sản thế chấp là đất đai. Nhiều thủ tục, nhiều quy định sẽ là một cản trở lớn đối với người dân có trình độ văn hóa thấp, và làm nảy sinh những tệ nạn như cò vay vốn, phát triển hình thức tín dụng nặng lãi... và không đáp ứng kịp thời vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Một số khuyến nghị nhằm tăng cường các hoạt động tín dụng đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn

5.1 Đối với Chính phủ

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu và thực thi các chính sách thu hút và mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô trong nước, mở rộng cho vay hộ sản xuất, hộ nghèo, tạo cầu nối giữa tín dụng chính thức và phi chính thức. Nguồn tài chính cần cho nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn tới là rất lớn, trong khi nguồn lực trong nước có hạn, vì vậy chúng ta cần nghiên cứu sớm nói lỏng kiểm soát vốn và xóa bỏ hạn chế đối với các nguồn vốn từ bên ngoài vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, nước ta đang trong giai đoạn đầu gia nhập WTO, việc mở cửa hơn nữa đối với các định chế tài chính nước ngoài cũng là việc nên làm để một phần đáp ứng những cam kết hội nhập.

- Thông qua việc thay đổi cơ chế lãi suất và chính sách hỗ trợ, tạo ra tính minh bạch, công bằng cho thị trường tài chính nông thôn. Chính phủ nên hạn chế các hình thức hỗ trợ lãi suất, xây dựng một chính sách lãi suất hợp lý và để cho những định chế tài chính nông thôn hoạt động theo quy chế thị trường. Việc xóa bỏ lãi suất ưu đãi góp phần tăng nguồn vốn huy động, và cải thiện hiệu quả kinh doanh cũng như tạo ra tính

công bằng cho các trung gian tài chính tham gia vào thị trường nông thôn. Mọi định chế tài chính tham gia vào thị trường nông thôn cần đảm bảo công bằng trong chính sách đối xử. Cụ thể các định chế tham gia vào khu vực nông thôn đều được thực hiện quy chế xóa nợ, khoan nợ như VBSP và Agribank [2].

- Triển khai phát triển đồng bộ thị trường phục vụ sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa, chuyển giao và ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất cho bà con nông dân, giúp cho ngành ngân hàng có điều kiện mở rộng và tăng suất đầu tư phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển và từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và hệ thống thông tin, đảm bảo các hoạt động của thị trường tài chính được vận hành thông suốt, đáp ứng các yêu cầu về thông tin để quản lý và điều hành có hiệu quả thị trường tài chính.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý và giám sát thị trường tài chính, đảm bảo cho thị trường hoạt động lành mạnh, an toàn có hiệu quả, có chế tài đủ mạnh để duy trì trật tự hoạt động của thị trường trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ được các chủ thể tham gia thị trường, tạo sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn tín dụng.

5.2 Đối với các tổ chức tín dụng

- Căn cứ vào kết quả cho vay hằng năm, các tổ chức tín dụng nên chủ động xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với đặc điểm, điều kiện và khả năng của từng đơn vị, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ mở rộng đầu tư các vùng, lĩnh vực, các chương trình, dự án phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, ưu tiên vốn đầu tư vào vùng sản xuất hàng hóa nằm trong quy hoạch của Nhà nước, các vùng chuyển đổi thủy sản, khu chăn nuôi tập trung, tăng cường đầu tư xây dựng,

nâng cấp hệ thống đường giao thông, các điểm du lịch.

- Kết hợp nhiều phương thức cho vay linh hoạt như phương thức cho vay dự án đầu tư, cho vay hạn mức tín dụng, cho vay hợp vốn... nhằm giúp cho người vay chủ động hơn trong việc sử dụng vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất nông nghiệp, giảm thủ tục vay, tiết kiệm được các chi phí gián tiếp khi tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Đa dạng hóa các loại hình tài chính tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Các ngân hàng khi cho vay cần tư vấn cho các hộ sản xuất một phương án theo quy trình khép kín (sản xuất - chế biến - tiêu thụ). Căn cứ trên kế hoạch, phương án kinh doanh, dự án đầu tư để hoạch định nguồn vốn đáp ứng sao cho mọi giai đoạn của quy được thực hiện thông suốt. Điều này thuận lợi cho cả người vay và ngân hàng trong quá trình cho vay sản xuất và thu nợ khi sản phẩm được tiêu thụ [1].

- Nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân sự thông qua công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ tài chính nông thôn cũng như các kiến thức về sản xuất nông nghiệp, các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển nông thôn để có thể đưa ra các đề xuất tín dụng hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục cải tiến phương thức cho vay vốn của ngân hàng theo hướng giảm bớt các thủ tục phiền hà, nhằm tạo thuận lợi cho người vay dễ dàng và nhanh chóng vay được vốn với chi phí giao dịch thấp (thủ tục đơn giản và nhanh chóng nhận được tiền). Tăng cường giám sát sử dụng vốn vay của các hộ sau khi vay thông qua chính quyền và các hội đoàn thể địa phương.

6. Kết luận

Tóm lại, phát triển nông nghiệp, nông thôn luôn được xem là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Đây cũng là nội dung quan trọng trong mục tiêu chiến lược của ngành ngân hàng nhằm thực hiện thành công sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong thời gian qua, việc phát triển các hoạt động tín dụng ở lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng như dư nợ cho vay ở khu vực nông nghiệp, nông thôn cũng như mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của các tổ chức thương mại ở nông thôn ngày càng tăng. Những thành tựu này là tiền đề để ngành ngân hàng tiếp tục triển khai mạnh mẽ các chính sách nhằm đầu tư nhiều hơn, hiệu quả hơn cho nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới. Bên cạnh những thành tựu thì hoạt động tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn cũng đang vấp phải một số trở ngại như các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng ở khu vực nông thôn còn hạn chế, khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng của nông dân chưa cao, số lượng các tổ chức tài chính tham gia vào thị trường nông nghiệp, nông thôn còn khá ít... Vì vậy, để phát triển một thị trường tài chính ổn định, chúng ta cần thực hiện những bước cải cách căn bản trong từng lĩnh vực của hệ thống. Mỗi lĩnh vực trong hệ thống tài chính cần làm tốt, phản ánh được tầm nhìn và lợi ích xã hội mà lĩnh vực đó đảm nhận. Việc tiếp tục đổi mới toàn diện về tư duy, hành động, triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp và phối hợp hiệu quả các chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới chắc chắn sẽ giải quyết được triệt để mục tiêu cơ bản và then chốt của công cuộc xóa đói giảm nghèo, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đem lại sự phồn thịnh cho kinh tế nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, làm thay đổi bộ mặt nông thôn VN trong thời kỳ mới■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đào Minh Tú (2010), “Tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn – kết quả và yêu cầu đặt ra trong thực tiễn”, tài liệu hội thảo: Triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy kinh tế nông nghiệp – nông thôn, Ngân hàng Nhà nước VN, báo *Sài Gòn giải phóng*.

Hạ Thị Thiều Dao (2010), “Giải pháp phát triển thị trường tài chính nông thôn”, Kỷ yếu hội thảo khoa học *Những vấn đề kinh tế - xã hội trong bối cảnh phát triển chương trình 1991 trình Đại hội XI*, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

Lê Khương Ninh và cộng sự (2011), “Các yếu tố quyết định lượng vốn vay tín dụng chính thức của hộ nông dân ở Hậu Giang”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 9-2011.

Lê Khương Ninh & ctv (2011), “Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay tín dụng chính thức của hộ nông dân ở An Giang”, Tạp chí *Công nghệ ngân hàng*, số 60-2011.

Nguyễn Đức Trung & Tô Ngọc Hưng (2010), “Thực trạng và giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả khu vực nông thôn VN”, tài liệu hội thảo: *Triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy kinh tế nông nghiệp – nông thôn*, Ngân hàng Nhà nước VN, báo *Sài Gòn giải phóng*.

Nguyễn Quốc Nghi (2010), “Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 20-2010.

Nguyễn Quốc Nghi (2010), “Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa ở Đồng Tháp”, Tạp chí *Hoạt động khoa học*, số 614-2010.

Nguyễn Quốc Nghi (2011), “Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu tín dụng chính thức của nông hộ ở làng hoa Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 10-2011.

Nguyễn Quốc Nghi (2011), “Khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của hộ nghèo”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 7-2011.

Nguyễn Quốc Nghi (2011), “Luận bàn về thị trường tài chính nông thôn VN”, Tạp chí *Tài chính doanh nghiệp*, số 5-2011.

Nguyễn Quốc Nghi (2011), “Nhu cầu tín dụng chính thức trong phát triển mô hình nuôi baba của nông hộ ở tỉnh Kiên Giang”, Tạp chí *Công nghệ ngân hàng*, số 65, 08/2011.

Trương Đông Lộc và cộng sự (2008), “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 4-2010.